

## BỆNH NHÂN ĐI KHÁM CHỮA BỆNH CẦN BIẾT

Bệnh viện khám chữa bệnh cho tất cả bệnh nhân có BHYT trên toàn quốc. Bệnh nhân khi đi khám, chữa bệnh **nếu không có Giấy chuyển viện**, khi nhập viện điều trị nội trú vẫn được hưởng BHYT theo quy định.

*(vui lòng mang theo thẻ BHYT, CCCD và Giấy tờ tùy thân có ảnh)*



**Bệnh viện Mắt tỉnh Gia Lai  
Đanh hiệu Top 20 Chất lượng Vàng vì quyền lợi  
người tiêu dùng năm 2025**



## SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI BỆNH VIỆN MẮT

Cho đôi mắt sáng hơn

Địa chỉ: 78 Trần Hưng Đạo – Phường Quy Nhơn

☎ Chăm sóc khách hàng: **0848.880.487**

Email: [benhvienmattinh.gialai@gmail.com](mailto:benhvienmattinh.gialai@gmail.com)

📘 Like us on Facebook: [fb.com/benhvienmattinh.gialai](https://fb.com/benhvienmattinh.gialai)

## SỔ KHÁM BỆNH







Họ tên: ..... Năm sinh: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại liên hệ: .....

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC NHỎ MẮT


Thực hiện các bước sau đây:

	
• Rửa tay, ngửa đầu về phía sau	• Kéo nhẹ mí dưới xuống để tạo túi mắt
	
• Giữ lọ thuốc thật gần mắt nhưng không chạm vào mắt. Mắt nhìn hướng lên trên. • Từ từ và nhẹ nhàng nhỏ một giọt thuốc vào mắt.	• Nhắm mắt và ấn nhẹ vào góc trong sẽ giúp tăng thời gian thuốc tiếp xúc với mắt, giảm tác dụng phụ có thể xảy ra nếu thuốc đi từ mũi vào đường máu.

- Lặp lại các bước trên với mắt còn lại, nếu có chỉ định.
- Nếu cần phải nhỏ nhiều loại thuốc cùng một bên mắt, đợi ít nhất 15 phút trước khi nhỏ loại thuốc thứ hai.

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRA THUỐC MỠ

Thực hiện các bước sau đây:

<ul style="list-style-type: none"><li>• Rửa tay, ngửa đầu về phía sau</li><li>• Kéo nhẹ mí dưới xuống để tạo túi mắt</li><li>• Giữ lọ thuốc thật gần mắt nhưng không chạm vào mắt. Mắt nhìn hướng lên trên.</li></ul>	
<ul style="list-style-type: none"><li>• Tra thuốc mỡ vào phần trong của mí dưới</li><li>• Nhẹ nhàng kéo mí trên lên và nhìn hướng xuống để giúp thuốc mỡ trải đều trên bề mặt mắt</li><li>• Thả mí trên ra và nhắm mắt trong 1-2 phút</li><li>• KHÔNG dụi mắt. Nếu tra thuốc mỡ đúng cách, thị lực sẽ bị mờ trong vài phút. Điều này là bình thường.</li></ul>	

### LƯU Ý:

- \* Khi sử dụng thuốc nhỏ mắt cần phải tuân theo đúng chỉ dẫn của bác sĩ và đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trên bao bì để đảm bảo sử dụng đúng liều lượng và thời gian.
- \* Không được tự ý ngưng thuốc hoặc đổi thuốc khác. Nếu trong quá trình sử dụng thuốc có những biểu hiện không bình thường phải tái khám ngay để can thiệp kịp thời.

## Tòa nhà A

### Tầng 1:

- Lây số thứ tự; Đăng ký khám.
- Phòng khám bệnh.
- Phòng tiểu phẫu.
- Phòng cấp thuốc BHYT

### Tầng 2:

- Khu vực phẫu thuật.

### Tầng 3:

- Phòng Phó Giám đốc.
- Phòng Kế hoạch tổng hợp - Chỉ đạo tuyến.
- Hội trường Bệnh viện.



## Tòa nhà B

### Tầng 1:

- Khoa Mắt trẻ em.
- Phòng chẩn đoán hình ảnh.
- Phòng xét nghiệm.
- Phòng khám khúc xạ,
- Quầy kính thuốc.
- Phòng Điều dưỡng - Quản lý chất lượng – Công nghệ thông tin.

### Tầng 2:

- Khoa Phẫu thuật – gây mê hồi sức
- Khoa Đục thủy tinh thể - Glaucome

### Tầng 3:

- Phòng giám đốc
- Khoa Kết mạc, giác mạc - phần phụ

## Tòa nhà C

- Phòng Tổ chức – Hành chính – Tài chính
- Phòng Quản lý chất lượng
- Khoa Dược – trang thiết bị y tế



## BỆNH TẮC LỆ ĐẠO BẨM SINH

### 1. Tắc lệ đạo bẩm sinh là gì?

Tắc lệ đạo bẩm sinh là bệnh thường gặp gây chảy nước mắt ở trẻ em, tỉ lệ mắc bệnh là 5 - 20% trẻ sơ sinh.

### 2. Biểu hiện như thế nào?

- Trẻ hay bị chảy nước mắt và ghèn mắt. Hiện tượng chảy nước mắt sẽ nhiều hơn khi trời lạnh, có gió hoặc nắng... Đặc biệt, mỗi sáng ngủ dậy, mắt trẻ thường có nhiều ghèn vàng dính quanh mi mắt.

- Trẻ hay dụi mắt, đỏ da bờ mi.

- Viêm kết mạc (mắt đỏ) kéo dài và tái đi tái lại.

### 3. Phát hiện bệnh như thế nào?

Khi phát hiện trẻ chảy nước mắt cần đưa trẻ đến bác sĩ chuyên khoa mắt để khám.

### 4. Điều trị và những lưu ý gì khi trẻ bị tắc lệ đạo bẩm sinh?

Cần đến bác sĩ chuyên khoa mắt để khám và hướng dẫn điều trị. Bố mẹ cần chú ý giữ vệ sinh mắt cho bé. Có thể dùng bông y tế thấm nước đun sôi để nguội (hoặc nước muối sinh lý) nhẹ nhàng lau mắt cho bé 3-5 lần/ngày để lấy hết ghèn bám quanh mắt. Vệ sinh mắt và massage đường lệ quản là phương pháp điều trị chính, 90% bệnh tắc lệ đạo bẩm sinh có thể tự khỏi. Nếu phát hiện mắt bé sưng đỏ cần đưa bé đến khám chuyên khoa mắt để khám ngay.



## BỆNH ĐỤC THỦY TINH THỂ

### 1. Bệnh Đục thủy tinh thể là gì?

Bệnh Đục thủy tinh thể, còn gọi là **Cườm khô**, là hiện tượng đục mờ thủy tinh thể. Sự đục mờ này là ngăn không cho tia sáng lọt qua, kết quả là võng mạc không thu được hình ảnh và thị lực bệnh nhân suy giảm dẫn đến mù lòa.

### 2. Biểu hiện như thế nào?

Mắt nhìn thấy mờ, khó nhìn, lóa sáng, quáng gà, ra nắng mờ hơn trong nơi râm mát, nhìn một vật thành hai hoặc ba, thường xuyên thay đổi kính đeo mắt.

### 3. Nguyên nhân là gì?

Nguyên nhân chính liên quan đến tuổi già, bệnh lý tiểu đường, cao huyết áp, cận thị, chấn thương. Trên 80 % người mắc bệnh là người có độ tuổi trên 50. Ngoài ra còn gặp đục thủy tinh thể bẩm sinh (có sẵn khi sinh ra).

### 4. Điều trị như thế nào?

Phẫu thuật là phương pháp duy nhất có hiệu quả trong việc chữa đục thủy tinh thể. Phẫu thuật được thực hiện khi thị lực giảm, ảnh hưởng đến sinh hoạt hằng ngày.

Kỹ thuật tiên bộ nhất hiện nay là phẫu thuật PHACO và thay thủy tinh thể nhân tạo.



Bình thường



Đục nhẹ



Đục nặng

**Phát hiện sớm, phẫu thuật có thể giúp bệnh nhân phục hồi thị lực**

## BỆNH GLAUCOMA

### 1. Bệnh Glaucoma là gì?

Bệnh Glaucoma còn gọi là **Cườm nước**, do áp lực nội nhãn tăng cao chèn ép và làm tổn thương thần kinh thị giác, gây suy giảm chức năng thị giác, có thể dẫn đến mù lòa.

### 2. Biểu hiện như thế nào?

Đau nhức mắt, nhức nửa đầu bên mắt đau, nhìn mờ, nhìn có quầng xanh đỏ. Biểu hiện ở một hoặc cả hai mắt. Đôi khi triệu chứng âm ỉ, khó phát hiện.

### 3. Nguyên nhân là gì?

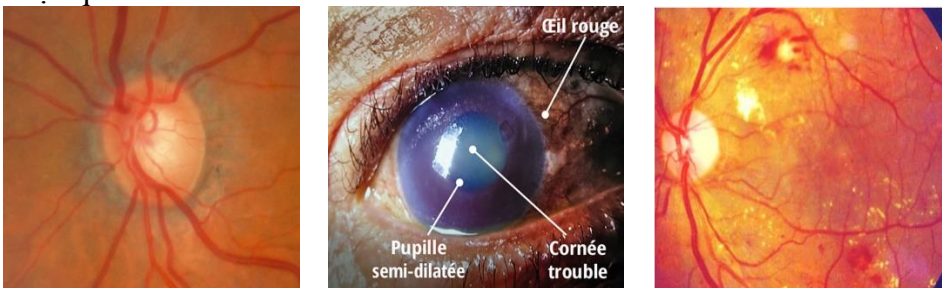
Do sự cản trở lưu thông thủy dịch (là chất lỏng trong suốt bên trong mắt) làm tăng áp lực nội nhãn (nhãn áp), gây chèn ép và tổn thương dây thần kinh thị giác.

### 4. Những ai có nguy cơ cao bị Glaucoma?

Những người trên 40 tuổi, gia đình có người bị Glaucoma, bệnh tiểu đường, cao huyết áp, tật viễn thị, cận thị nặng, giác mạc nhỏ, điều trị thuốc nhỏ mắt có steroid thời gian dài, tiền căn chấn thương hay phẫu thuật mắt.

### 5. Điều trị như thế nào?

Quan trọng nhất là chẩn đoán sớm và theo dõi, kiểm soát nhãn áp chặt chẽ bằng thuốc. Đối với bệnh nhân nguy cơ, có thể điều trị dự phòng bằng Laser. Phẫu thuật là cần thiết khi điều trị bằng thuốc và laser không hiệu quả.



**Phát hiện sớm, điều trị và theo dõi chặt chẽ sẽ ngăn chặn được mù lòa do bệnh Glaucoma**

## BỆNH VÕNG MẠC ĐÁI THÁO ĐƯỜNG

### 1. Bệnh võng mạc đái tháo đường là gì?

Bệnh võng mạc đái tháo đường là tình trạng bệnh lý với các tổn thương xảy ra ở võng mạc do bệnh đái tháo đường gây nên. Đây là một trong những nguyên nhân gây mù hàng đầu, tỷ lệ bị bệnh tăng nhanh trong những năm gần đây tại nước ta.

### 2. Biểu hiện như thế nào?

Ảnh hưởng lên thị giác thay đổi tùy theo giai đoạn của bệnh: nhìn mờ, ruồi bay và chớp sáng, giảm thị lực đột ngột, mù lòa ở giai đoạn cuối.

### 3. Phát hiện bệnh như thế nào?

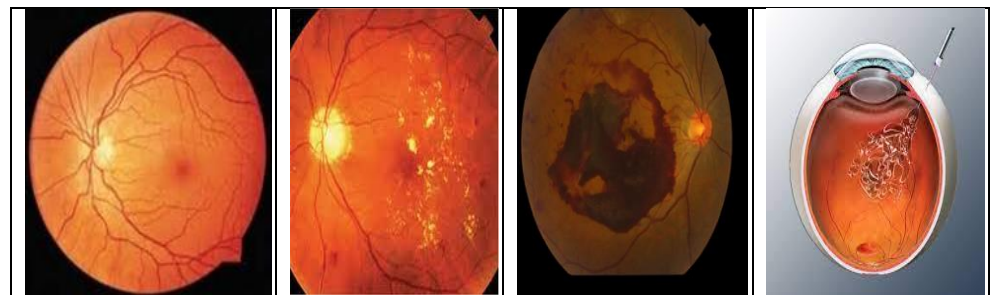
Bệnh nhân tiểu đường nên đi khám mắt định kỳ để phát hiện những rối loạn bất thường ở mắt.

### 4. Điều trị như thế nào?

Tùy thuộc vào giai đoạn tiến triển của bệnh, bác sĩ sẽ quyết định phương pháp điều trị thích hợp như: tiêm thuốc nội nhãn, laser quang đông, phẫu thuật...

### 5. Dự phòng như thế nào?

Giữ đường huyết ở mức ổn định, ăn kiêng và tập thể dục đều đặn, khám mắt định kỳ theo lịch hẹn của bác sĩ.



**95% mù lòa do bệnh võng mạc đái tháo đường sẽ được ngăn chặn nếu được phát hiện sớm và điều trị kịp thời.**

## TẬT KHÚC XẠ VÀ CÁCH CHĂM SÓC MẮT

### 1. **Tật khúc xạ là gì?**

Tật khúc xạ là một rối loạn quang học tại mắt, khi ánh sáng từ vật không truyền chính xác đến võng mạc, dẫn đến hình ảnh của vật sẽ bị mờ.

Có 4 loại tật khúc xạ thường gặp:

- Cận thị: ảnh hội tụ trước võng mạc
- Viễn thị: ảnh hội tụ ở phía sau võng mạc
- Loạn thị: hình ảnh của vật không phải là một điểm mà là một đoạn thẳng có thể ở phía trước hoặc phía sau võng mạc
- Lão thị: do quá trình lão hóa, thường gặp ở người trên 40 tuổi.

### 2. **Những biểu hiện nghi ngờ?**

Khi nhìn vật phải lại gần mới thấy; nhìn xa hay gần không rõ; nhìn hình ảnh biến dạng; hay nheo mắt khi nhìn; kết quả học tập hay lao động giảm sút; hay dụi mắt khi nhìn; hay mỏi mắt, nhức đầu, chóng mặt, buồn ngủ khi đọc sách hay học tập, hay nghiêng đầu khi nhìn, mắt lè,...

### 3. **Điều trị tật khúc xạ như thế nào?**

Cách duy nhất để điều chỉnh tật khúc xạ ở trẻ em là đeo kính gọng, tái khám sau 06 tháng, ngoài đeo kính gọng còn có thể đeo kính sát tròng.

Có thể phẫu thuật điều trị tật khúc xạ đối với người trên 18 tuổi.

### 4. **Chăm sóc đôi mắt như thế nào?**

Đảm bảo nơi học tập và làm việc đầy đủ ánh sáng. Nếu học ban đêm, kết hợp với ánh sáng phòng và đèn bàn (đèn phải có chụp phản chiếu). Chiếu sáng từ phía sau, từ trên xuống và nghịch với bên tay thuận.

Kích thước của bàn, ghế phải phù hợp với chiều cao của từng người. Ngồi học đúng tư thế, không nghiêng đầu, áp má lên bàn học. Giữ khoảng cách hợp lý khi đọc sách hay sử dụng thiết bị điện tử từ 25cm -35cm

**Tật khúc xạ cần được phát hiện sớm, đeo kính đúng và sớm để tránh nhược thị, lè cho trẻ em**

## HƯỚNG DẪN KHI ĐI KHÁM BỆNH

### 1. **Thời gian khám bệnh:**

- Buổi sáng bắt đầu từ : 7 giờ 00 đến 11 giờ 30 phút
- Buổi chiều bắt đầu từ: 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 00

*(Bệnh viện làm việc từ thứ 2 đến thứ 6; thứ bảy và chủ nhật nghỉ khám bệnh)*

### 2. **Người bệnh khi đi khám cần mang theo:**

- Sổ khám bệnh, giấy ra viện, giấy chứng nhận phẫu thuật,...
- Các toa thuốc, giấy xét nghiệm, giấy siêu âm, phim chụp ảnh đáy mắt...(nếu có).

### 3. **Người bệnh có BHYT cần mang theo:**

- Thẻ Bảo hiểm y tế; Giấy chuyển tuyến; giấy hẹn tái khám,...
- Thẻ CCCD, hoặc Giấy tờ khác có ảnh

**4. Khi đến khám bệnh, người bệnh vui lòng LẤY SỐ THỨ TỰ và NỘP SỐ tại quầy tiếp nhận (Phòng 1)**

## NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Cần giữ gìn, bảo quản Sổ khám bệnh lâu dài.
2. Tái khám đúng theo lịch hẹn của Bác sỹ.
3. Bệnh viện có thanh toán tiền viện phí bằng **thẻ ngân hàng** hoặc ứng dụng **SmartBanking**.

Gia Lai, ngày..... tháng.....năm 202...

<b>Thị lực</b>			<b>NA (mmHg)</b>
Không kính	Kính lỗ	Có kính	
MP: .....	.....	.....	MP:.....
MT: .....	.....	.....	MT:.....

**Triệu chứng lâm sàng:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Các chỉ định cần thực hiện:**

Nội dung	MP	MT	Phòng
Đo Khúc xạ			
Chụp hình màu đáy mắt			
Chụp OCT			
Đo thị trường			
Siêu âm			
Laser - YAG			
Laser QĐVM			
Đếm tế bào nội mô			

**Chẩn đoán bệnh:**

.....

.....

.....

.....

**ĐƠN THUỐC**

1. Coll.....x .....lo nhỏ MP, MT.....lần/ngày; lần 1 giọt
2. Coll.....x .....lo nhỏ MP, MT.....lần/ngày; lần 1 giọt
3. Coll.....x .....lo nhỏ MP, MT.....lần/ngày; lần 1 giọt
4. Coll.....x .....lo nhỏ MP, MT.....lần/ngày; lần 1 giọt
5. Pde.....x .....tuýp, tra MP, MT...lần/ngày; lần 1 cm
6. Pde .....x .....tuýp, tra MP, MT...lần/ngày; lần 1 cm
7. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa.....chiều.....
8. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa.....chiều.....
9. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa.....chiều.....
10. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa.....chiều.....

Ngày.... tháng.....năm 202...

**\*Lời dặn:**

**Bác sỹ khám bệnh**

.....

.....

.....

.....

.....

Tái khám sau: .....ngày

Gia Lai, ngày..... tháng.....năm 202...

<b>Thị lực</b>			<b>NA (mmHg)</b>
Không kính	Kính lỗ	Có kính	
MP: .....	.....	.....	MP:.....
MT: .....	.....	.....	MT:.....

**Triệu chứng lâm sàng:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Các chỉ định cần thực hiện:**

Nội dung	MP	MT	Phòng
Đo Khúc xạ			
Chụp hình màu đáy mắt			
Chụp OCT			
Đo thị trường			
Siêu âm			
Laser - YAG			
Laser QĐVM			
Đếm tế bào nội mô			

**Chẩn đoán bệnh:**

.....

.....

.....

.....

**ĐƠN THUỐC**

1. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
2. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
3. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
4. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
5. Pde.....x .....tuýp, tra MP, MT...lần/ngày; lần 1 cm
6. Pde .....x .....tuýp, tra MP, MT...lần/ngày; lần 1 cm
7. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều .....
8. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều.....
9. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều.....
10. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều.....

Ngày.... tháng.....năm 202...

**\*Lời dặn:**

**Bác sỹ khám bệnh**

.....

.....

.....

.....

.....

Tái khám sau: .....ngày

Gia Lai, ngày..... tháng.....năm 202...

<b>Thị lực</b>			<b>NA (mmHg)</b>
Không kính	Kính lỗ	Có kính	
MP: .....	.....	.....	MP:.....
MT: .....	.....	.....	MT:.....

**Triệu chứng lâm sàng:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Các chỉ định cần thực hiện:**

Nội dung	MP	MT	Phòng
Đo Khúc xạ			
Chụp hình màu đáy mắt			
Chụp OCT			
Đo thị trường			
Siêu âm			
Laser - YAG			
Laser QĐVM			
Đếm tế bào nội mô			

**Chẩn đoán bệnh:**

.....

.....

.....

.....

**ĐƠN THUỐC**

1. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
2. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
3. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
4. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
5. Pde.....x .....tuýp, tra MP, MT...lần/ngày; lần 1 cm
6. Pde .....x .....tuýp, tra MP, MT...lần/ngày; lần 1 cm
7. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều .....
8. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều.....
9. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều.....
10. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều.....

Ngày.... tháng.....năm 202...

**\*Lời dặn:**

**Bác sỹ khám bệnh**

.....

.....

.....

.....

.....

Tái khám sau: .....ngày

Gia Lai, ngày..... tháng.....năm 202...

<b>Thị lực</b>			<b>NA (mmHg)</b>
Không kính	Kính lỗ	Có kính	
MP: .....	.....	.....	MP:.....
MT: .....	.....	.....	MT:.....

**Triệu chứng lâm sàng:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Các chỉ định cần thực hiện:**

Nội dung	MP	MT	Phòng
Đo Khúc xạ			
Chụp hình màu đáy mắt			
Chụp OCT			
Đo thị trường			
Siêu âm			
Laser - YAG			
Laser QĐVM			
Đếm tế bào nội mô			

**Chẩn đoán bệnh:**

.....

.....

.....

.....

**ĐƠN THUỐC**

1. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
2. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
3. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
4. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
5. Pde.....x .....tuýp, tra MP, MT...lần/ngày; lần 1 cm
6. Pde .....x .....tuýp, tra MP, MT...lần/ngày; lần 1 cm
7. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều .....
8. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều.....
9. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều.....
10. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều.....

Ngày.... tháng.....năm 202...

**\*Lời dặn:**

**Bác sỹ khám bệnh**

.....

.....

.....

.....

.....

Tái khám sau: .....ngày

Gia Lai, ngày..... tháng.....năm 202...

<b>Thị lực</b>			<b>NA (mmHg)</b>
Không kính	Kính lỗ	Có kính	
MP: .....	.....	.....	MP:.....
MT: .....	.....	.....	MT:.....

**Triệu chứng lâm sàng:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Các chỉ định cần thực hiện:**

Nội dung	MP	MT	Phòng
Đo Khúc xạ			
Chụp hình màu đáy mắt			
Chụp OCT			
Đo thị trường			
Siêu âm			
Laser - YAG			
Laser QĐVM			
Đếm tế bào nội mô			

**Chẩn đoán bệnh:**

.....

.....

.....

.....

**ĐƠN THUỐC**

1. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
2. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
3. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
4. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
5. Pde.....x .....tuýp, tra MP, MT...lần/ngày; lần 1 cm
6. Pde .....x .....tuýp, tra MP, MT...lần/ngày; lần 1 cm
7. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều .....
8. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều.....
9. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều.....
10. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều.....

Ngày.... tháng.....năm 202...

**\*Lời dặn:**

**Bác sỹ khám bệnh**

.....

.....

.....

.....

.....

Tái khám sau: .....ngày

Gia Lai, ngày..... tháng.....năm 202...

<b>Thị lực</b>			<b>NA (mmHg)</b>
Không kính	Kính lỗ	Có kính	
MP: .....	.....	.....	MP:.....
MT: .....	.....	.....	MT:.....

**Triệu chứng lâm sàng:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Các chỉ định cần thực hiện:**

Nội dung	MP	MT	Phòng
Đo Khúc xạ			
Chụp hình màu đáy mắt			
Chụp OCT			
Đo thị trường			
Siêu âm			
Laser - YAG			
Laser QĐVM			
Đếm tế bào nội mô			

**Chẩn đoán bệnh:**

.....

.....

.....

.....

**ĐƠN THUỐC**

1. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
2. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
3. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
4. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
5. Pde.....x .....tuýp, tra MP, MT...lần/ngày; lần 1 cm
6. Pde .....x .....tuýp, tra MP, MT...lần/ngày; lần 1 cm
7. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều .....
8. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều.....
9. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều.....
10. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều.....

Ngày.... tháng.....năm 202...

**\*Lời dặn:**

**Bác sỹ khám bệnh**

.....

.....

.....

.....

.....

Tái khám sau: .....ngày

Gia Lai, ngày..... tháng.....năm 202...

<b>Thị lực</b>			<b>NA (mmHg)</b>
Không kính	Kính lỗ	Có kính	
MP: .....	.....	.....	MP:.....
MT: .....	.....	.....	MT:.....

**Triệu chứng lâm sàng:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Các chỉ định cần thực hiện:**

Nội dung	MP	MT	Phòng
Đo Khúc xạ			
Chụp hình màu đáy mắt			
Chụp OCT			
Đo thị trường			
Siêu âm			
Laser - YAG			
Laser QĐVM			
Đếm tế bào nội mô			

**Chẩn đoán bệnh:**

.....

.....

.....

.....

**ĐƠN THUỐC**

1. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
2. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
3. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
4. Coll.....x .....lọ nhỏ MP, MT....lần/ngày; lần 1 giọt
5. Pde.....x .....tuýp, tra MP, MT...lần/ngày; lần 1 cm
6. Pde .....x .....tuýp, tra MP, MT...lần/ngày; lần 1 cm
7. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều .....
8. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều.....
9. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều.....
10. ....x ..... viên, uống sáng.... Trưa....chiều.....

Ngày.... tháng.....năm 202...

**\*Lời dặn:**

**Bác sỹ khám bệnh**

.....

.....

.....

.....

.....

Tái khám sau: .....ngày

